

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8	7:25	19	0		18	0	EC225
2		MRM	7:25	17	0		19	0	ec225
3		TD1+BK19+TD2	7:25	22+0+0	0+0+0		16+1+2	0+0+0	chuyen 1 td1-td2 chuyen 4 bk19-td2
4		RP3+VSP02+P10	7:25	22+0+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
5		TD5+TTC2+TD2	7:25	7+0+15	0+0+0		2+1+15	0+0+0	chuyen 5 td5-ttc2, 1 td5-td2
6		BK10+PPD+TD5	9:25	0+18+2	0+0+0		1+1+20	0+0+0	chuyen 1 bk10-ppd
7		TD1+TD3	9:25	3+16	0+0		1+20	0+0	
8		MRM+CLO	9:25	6+15	0+0		5+13	0+0	
9		SAVR+PVD8	9:25	4+14	0+0		3+14	0+0	EC225
10		TD2+PPD	11:25	6+13	0+0		0+21	0+0	
11		P4+RP2	11:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
12		RP3+RC8+RCDM	11:25	18+0+2	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 1 rc8-rcdm

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1A	TO: PVD8	CREW: HẢI - CHIẾN	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1755	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TANG HOANG LONG	PVD8	03-04	2	13			76	PVD DD	Vietnamese
2	NGUYEN VAN ĐỨC	PVD8	70	1	6			87	INTL.SOS	Vietnamese
3	LÊ TRUNG SƠN	PVD8						75	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN ĐÌNH HUYNH	PVD8	72	1	6			85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHU	PVD8	73-74	2	16			69	DMC-MI	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH BA	PVD8	05-06	2	19			63	SLB	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THUAN	PVD8	28-29	2	20			97	PVD LOGG	Vietnamese
8	ĐÌNH ĐỨC TRUNG	PVD8	26-27	2	15			81	PVD LOGG	Vietnamese
9	ĐÌNH THANH TUNG	PVD8	25	1	11			60	PVD LOGG	Vietnamese
10	NGUYEN DANH PHONG	PVD8	69	1	5	2	23	79	PVD DD	Vietnamese
11	LÊ QUYẾT THẮNG	PVD8	600	1	8			73	PVDO	Vietnamese
12	PHAN NHỰ KHOA	PVD8	68	1	4			51	PVDO	Vietnamese
13	TRẦN TUẤN TRINH	PVD8	67	1	6			70	PVDO	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN CƯỜNG	PVD8	30	1	9			63	PVD DD	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ĐÀI	PVD8	84	1	8			64	PVDO	Vietnamese
16	LÊ VĂN PHƯƠNG	PVD8	23	1	4			70	PVDO	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	PVD8	24	1	4			71	PVDO	Vietnamese
18	PHẠM MINH THẮNG	PVD8	71	1	7			71	PVDO	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHƯƠNG	PVD8	22	1	8			65	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.370	23	169	2	23	18		
	TOTAL	19	1.370	23	169	2	23	18		
	WEIGHT KG		1.370		169		23			

GRAND TOAL: 1.562 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:50
B.CARD: NAU-1	TO:MRM	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1757	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	74	1	15	1	5	66	KHOAN	Vietnamese
2	STARUNOV DENIS	MRM	91-92	2	22			102	AMHTP	Russian
3	SUVOROV IURII	MRM	95-96	2	22			119	AMHTP	Russian
4	KAZACHKOV DENIS	MRM	78	1	12			112	AMHTP	Russian
5	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	93-94	2	19			100	AMHTP	Russian
6	CHIRKIN DANIL	MRM	84-85	2	15			69	AMHTP	Russian
7	ILMENTEV ANDREI	MRM				1	24	57	AMHTP	Russian
8	NIGMATZIANOV ILFAT	MRM	89-90	2	13			78	AMHTP	Russian
9	SPIRIN VASILII	MRM	86-87	2	22			98	AMHTP	Russian
10	DIACHUK DMITRII	MRM	75	1	12			64	AMHTP	Russian
11	KUCHMII EGOR	MRM	79	1	13			115	AMHTP	Russian
12	SENCHUROV VADIM	MRM	82-83	2	6			93	AMHTP	Russian
13	ZANIN PAVEL	MRM	97-98	2	11			78	AMHTP	Russian
14	KHLEBNIKOV DMITRII	MRM	80-81	2	11			81	AMHTP	Russian
15	SUKHANOV EGOR	MRM	77	1	10			112	AMHTP	Russian
16	BORODIN ARTUR	MRM	76	1	13			93	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	16	1.437	24	216	2	29	19		
	TOTAL	16	1.437	24	216	2	29	19		
	WEIGHT KG		1.437		216		29			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD1 - BK19 - TD2	CREW: VIỆT - VTHẮNG - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1746	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	65	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN VAN PHONG	TD1	63	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN TRUNG THANH	TD1	67	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM QUANG ANH	TD1	60-62	3	14			77	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN THANH TUAT	TD1	50	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
6	NINH DUC THUAT	TD1	58	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
7	DO QUANG LUC	TD1	71	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DAI DUONG	TD1	48	1	6			74	ANTOAN	Vietnamese
9	TRAN HUY QUANG	TD1	66	1	12			73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	64	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
11	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	47	1	10			80	KHOAN	Russian
12	VU HUU KE	TD1	52-54	3	19			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGO THUAN THANH	TD1	55-56	2	20			73	KHOAN	Vietnamese
14	LE BA PHUONG	TD1	72	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VAN QUYET	TD1	49	1	12			88	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG QUOC VIET	TD1						81	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEN	TD1	51	1	7	1	15	75	DVL	Vietnamese
18	LUONG NGOC HOANG	TD1	70	1	8			75	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	TD1	68	1	12	1	12	67	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HIEN DANG	TD1	57	1	14			81	XAYLAP	Vietnamese
21	VU VAN DIEP	TD1	46	1	8			68	PSV	Vietnamese
22	LE XUAN TINH	TD1	59	1	5			93	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.621	26	202	2	27	16	1	CHUYEN 01 PAX TD1 SANG TD2
2	BK19	0	0	0	0	0	0	1	4	CHUYEN 4 PAX TU BK19 SANG TD2
3	TD2	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.621	26	202	2	27	20		
WEIGHT KG			1.621		202		27			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

NGUYEN QUANG VIET

NGO VAN THANG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP3 - VSP02 - P10	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1749	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HOANG THI	RP3						69	KHOAN	Vietnamese
2	ĐO BÀ NAM	RP3						81	KHOAN	Vietnamese
3	LAM TIEN PHI	RP3	90	1	7			83	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	93	1	5			61	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN SEN	RP3	27	1	5			67	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CỨ	RP3	26	1	4			58	KHI	Vietnamese
7	CAO VĂN TÂN	RP3	97	1	3			71	NHATHAU	Vietnamese
8	NGUYỄN NGHĨA TUƠNG	RP3	96	1	3			67	NHATHAU	Vietnamese
9	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	29-30	2	10			67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	91	1	5			87	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	98	1	2			82	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	92	1	4			80	KHI	Vietnamese
13	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	94	1	5			64	KHI	Vietnamese
14	PANKRATOV R.E.	RP3	28	1	9			92	KHI	Russian
15	PHẠM VĂN LẬP	RP3						60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	95	1	10			71	KHI	Vietnamese
17	HÀ THÈ BAO	RP3						80	KHI	Vietnamese
18	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	89	1	2			61	KHI	Vietnamese
19	PHẠM BÌNH NAM	RP3	25	1	6			60	KHI	Vietnamese
20	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	24	1	7			69	KHI	Vietnamese
21	TRẦN TUẤN ANH	RP3	22-23	2	16			72	KHI	Vietnamese
22	MAI NGỌC CƯỜNG	RP3	99,800	2	7			72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	22	1.574	21	110	0	0	16		
2	VSP02	0	0	0	0	0	0	2		
3	P10	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.574	21	110	0	0	22		
WEIGHT KG			1.574		110		0			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TTC2 - TD2	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1752	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ TRỌNG NGHĨA	TD5						82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VINH DUY	TD5	07-08	2	15			62	KHOAN	Vietnamese
3	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	14	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐÌNH	TD5	03-05	3	9			83	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	13	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	09	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TÙNG	TD5	10-12	3	12			59	KHOAN	Vietnamese
8	VU NGỌC HOÀN	TD2	05	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN XUÂN	TD2	10	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VINH THUẬT	TD2	15	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NAM	TD2	23-24	2	11			77	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO XUÂN VANG	TD2	20	1	2			79	KHOAN	Vietnamese
13	VU VĂN THUY	TD2	19	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TỰ	TD2	09	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO TRỌNG HẢI	TD2	14	1	10			80	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN NHỎ ĐỒNG	TD2	07-08	2	17			75	DMC-MI	Vietnamese
17	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	13	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VĂN LUẬN	TD2	06	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG SỰ	TD2	11-12	2	15			78	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HIỆP	TD2	21-22	2	16			83	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD2	16-17	2	20			74	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	TD2	18	1	8			76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	518	11	55	0	0	2	0	CHUYỂN 05 PAX TD5 - TTC2, CHUYỂN 01 PAX TD5 - TD2
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	1	0	
3	TD2	15	1.135	20	142	0	0	15	0	
TOTAL		22	1.653	31	197	0	0	18	0	
WEIGHT KG			1.653		197		0			

GRAND TOTAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK10 - PPD - TD5	CREW: QVIỆT - VTHẮNG - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1747	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	95	1	5	2	36	70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	97	1	8			65	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	93	1	3			76	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	94	1	5			69	KHI	Vietnamese
5	BUI VĂN CHINH	PPD	98	1	10			72	KHI	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TIẾN	PPD	01-02	2	11	1	10	78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HOANG	PPD	92	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÍNH	PPD	04-05	2	15			78	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC BIỂU	PPD	07	1	12			61	CODIEN	Vietnamese
10	HA QUANG HUY	PPD	08	1	8	2	26	67	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HẢI	PPD	09-10	2	11			73	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN GIANG	PPD	90	1	8			74	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG DUY	PPD	06	1	8			87	CODIEN	Vietnamese
14	NGO SY THANH	PPD	03	1	5			87	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TẢ	PPD	91	1	2			70	KHI	Vietnamese
16	TRẦN LÊ RANG	PPD	99	1	6			83	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	96	1	4			69	KHI	Vietnamese
18	KOLESNIK A.Y	PPD	900	1	8			104	KHI	Russian
19	HOANG VAN KHAI	TD5	90	1	10	1	23	74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	88	1	6	5	71	69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	0	0	0	0	2	33	1		CHUYEN 1 PAX BK10-PPD
2	PPD	18	1.358	21	134	5	72	1		
3	TD5	2	143	2	16	6	94	20		
TOTAL		20	1.501	23	150	13	199	22		
WEIGHT KG			1.501		150		199			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGÔ VĂN THẮNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD1 - TD3 - PBDA	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1750	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẬU VIỆT BÁC	TD1	27-28	2	8	2	24	75	PSV	Vietnamese
2	UMANG KHULLAR	TD1	25	1	10	1	12	60	SCHLUMBE	Indian
3	RUPAM CHOUDHURY	TD1	29	1	7	1	15	88	SCHLUMBE	Indian
4	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	41-42	2	7			63	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG MINH	TD3	35	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	34	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN THUY	TD3	31	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH CÔNG	TD3	33	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	30	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	32	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	36	1	5	2	66	73	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	40	1	3	3	42	65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	48-49	2	7			76	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH DŨNG	TD3	37	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	38-39	2	15			68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO HOANG	TD3	43-44	2	6			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGO QUANG HUNG	TD3	45	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
18	MATEI CRISTIAN DANIEL	TD3	46-47	2	14			91	SLB	Romania
19	TRẦN VĂN DU	TD3	28-29	2	11			55	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	3	223	4	25	4	51	1		
2	TD3	16	1.139	22	121	5	108	20		
3	PBDA	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	1.362	26	146	9	159	22		
WEIGHT KG			1.362		146		159			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:MRM - CLO	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/1753		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRON KIRILL	MRM	97	1	11			90	AMHTP	Russian
2	DROZDOV ANDREI	MRM	98	1	6			90	AMHTP	Russian
3	OSIN DMITRII	MRM	600	1	7			88	AMHTP	Russian
4	ILIA MOROZOV	MRM	99	1	7			109	AMHTP	Russian
5	TRẦN HỮU THO	MRM	399,400	2	13			90	AMHTP	Vietnamese
6	PHAN QUYẾT CHIÊN	MRM	398	1	7			68	AMHTP	Vietnamese
7	VOLOSNOV DMITRII	MRM	96-97	2	13			74	AMHTP	Russian
8	TRAN THE NHU	CLO	72	1	8	1	20	64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN LAP QUOC	CLO	09	1	3			58	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	07	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG CHUNG	CLO	15	1	12			80	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN QUYNH	CLO	16	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	11	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ MINH HIẾU	CLO	12	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MANH CUONG	CLO						88	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN PHU VINH	CLO	08	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH NGỌC GIANG	CLO	03-04	2	11			81	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG THANH MINH	CLO	13-14	2	14			62	KHOAN	Vietnamese
19	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	46-47	2	13			76	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ XUÂN THĂNG	CLO				2	25	80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUAN	CLO	05-06	2	16			76	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ VĂN HUNG	CLO	10	1	4			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	7	609	9	64	0	0	5		
2	CLO	15	1.070	17	109	3	45	13		
TOTAL		22	1.679	26	173	3	45	18		
WEIGHT KG			1.679		173		45			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO:SAVR - PVD8	CREW: HHẢI - CHIẾN	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1756	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN BA HUNG	SAVR	86	1	10	5	58	78	DVL	Vietnamese
2	MAI HUY TU	SAVR	80	1	10			59	DVL	Vietnamese
3	NIYATI ISSARAPREEDA	SAVR	91-92	2	19			73	BAKER HUC	Thailand
4	NGUYEN HUY HOANG	SAVR	87-88	2	12			71	BAKER HUC	Vietnamese
5	LE TAN TINH	PVD8	16	1	6			65	PVDO	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HOANG QUAN	PVD8	20	1	2			57	PVDO	Vietnamese
7	VO VIET DUC	PVD8	28	1	7			98	PVDO	Vietnamese
8	LE DINH HUNG	PVD8	18-19	2	14			69	PVDO	Vietnamese
9	TA XUAN CHIEN	PVD8	17	1	12			78	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN HUU THANH	PVD8	12	1	7			58	PSV	Vietnamese
11	BUI HAI THANH	PVD8	14	1	10			72	PSV	Vietnamese
12	MAI NGUYEN THE PHONG	PVD8	26-27	2	15			86	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN LINH	PVD8	11	1	5			64	PSV	Vietnamese
14	DO DUC NGOC	PVD8	13	1	10			70	PVDWS	Vietnamese
15	PHAM HONG MINH	PVD8	15	1	14			79	PVDWS	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HOANG	PVD8	24-25	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
17	LE VAN THIEN	PVD8	23	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN HANH	PVD8	09-10	2	11			62	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	4	281	6	51	5	58	3		
2	PVD8	14	990	18	138	0	0	14		
TOTAL		18	1.271	24	189	5	58	17		
WEIGHT KG			1.271		189		58			

GRAND TOAL: 1.518 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P4 - TD2 - PPD	CREW: XHOÀN - SON - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1748	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN MUOI	P4	17	1	6	3	44	58	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THÀNH	TD2	29	1	9	2	24	87	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	33	1	16			73	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN NAM	TD2	26	1	16	1	10	74	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN VĨNH	TD2	28	1	16			93	DVL	Vietnamese
6	LÊ CHÍ QUANG	TD2	25	1	6			67	PSV	Vietnamese
7	VŨ THANH NHẬT	TD2	30	1	9			77	PSV	Vietnamese
8	TRAN THIEN SON	TD2	31-32	2	8			63	QUYETTHA	Vietnamese
9	LÊ MINH PHỤNG	PPD	85	1	6	1	5	79	KHI	Vietnamese
10	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	89-90	2	11			91	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HAI QUANG	PPD	83	1	4			71	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ NGỌC TẤN	PPD	88	1	3			76	KHI	Vietnamese
13	LÊ CƯ	PPD	76	1	9			69	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	86	1	10			80	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	80-81	2	14			105	KHI	Vietnamese
16	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	82	1	4			64	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	87	1	6			76	KHI	Vietnamese
18	BUI THANH	PPD	84	1	3			63	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HIỆP	PPD	77	1	10			77	PSV	Vietnamese
20	DINH CAO CUONG	PPD	78	1	10			70	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC THIÊN	PPD	79	1	5			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	1	58	1	6	3	44	1		
2	TD2	7	534	8	80	3	34	1		
3	PPD	13	985	15	95	1	5	19		
TOTAL		21	1.577	24	181	7	83	21		
WEIGHT KG			1.577		181		83			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P4 - RP2	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/1751	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐINH NGOC QUY	P4	30	1	4	1	20	77	KHI	Vietnamese
2	PHẠM TRẠI	P4	39	1	5			60	KHI	Vietnamese
3	PHẠM THE TRUONG	P4	26	1	5			76	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRUNG	P4	34	1	5			61	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	28-29	2	13			67	KHI	Vietnamese
6	PHAM ĐỨC HIỆP	P4						84	KHI	Vietnamese
7	LÊ TRUNG LAM	P4						72	KHI	Vietnamese
8	PHAN HONG TAM	P4	35-36	2	10			61	KHI	Vietnamese
9	TẠ XUÂN HIỆU	P4	31	1	6			64	KHI	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	25	1	7			77	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG TRUONG	P4						80	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUÂN HIẾN	P4						62	KHI	Vietnamese
13	LÊ HONG PHONG	P4	37	1	6			79	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET NGOC	P4	38	1	4			65	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TAI	P4				2	42	70	KHI	Vietnamese
16	ĐOAN VAN TRUC	P4	27	1	5			66	KHI	Vietnamese
17	BUI ĐANG TIEN	P4	24	1	7			70	KHI	Vietnamese
18	TRẦN THANH LIÊM	P4	32	1	4			63	PSV	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIEN	P4	33	1	3			66	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TUAN	RP2	50-51	2	9	1	6	67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN BÌNH TRỌNG	RP2	47	1	9	1	19	76	XAYLAP	Vietnamese
22	VÔ THANH TÂM	RP2	48-49	2	8	3	68	72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	19	1.320	16	84	3	62	19		
2	RP2	3	215	5	26	5	93	3		
TOTAL		22	1.535	21	110	8	155	22		
WEIGHT KG			1.535		110		155			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO: RP3 - RC8 - RCDM	CREW: DUONG - N.ANH - THANH	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/1754	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LE HUU PHUOC	RP3	37-38	2	12			64	KHI	Vietnamese
2	CAO VAN HIEN	RP3	32	1	5	2	30	60	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN DINH HUNG	RP3	40-41	2	11	3	46	79	KHI	Vietnamese
4	LUONG NGOC TAN	RP3	42	1	8			66	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN QUAN	RP3	39	1	6			74	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HONG KHANH	RP3	34	1	7			64	KHI	Vietnamese
7	DANG VAN HUU	RP3	33	1	6			73	KHI	Vietnamese
8	PHAN LE VINH	RP3	35-36	2	11			97	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HO QUANG	RP3	41	1	10			60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG HIEU	RP3	45-46	2	8			77	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HA	RP3	43	1	10			64	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VY	RP3	44-45	2	16			66	PSV	Vietnamese
13	TRAN THANH HAI	RP3	31	1	3			63	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRUNG (1966)	RP3	42	1	5			68	PSV	Vietnamese
15	PHAM NGOC CHI	RP3	44	1	4			59	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DUY CHINH	RP3	47	1	2			56	PSV	Vietnamese
17	LE DUC THUAN	RP3	43	1	6			51	PSV	Vietnamese
18	MAI MINH TIEN	RP3	39	1	4			69	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG PHUC	RCDM				3	25	86	CODIEN	Vietnamese
20	DAO DUC THIEN	RCDM	06-07	2	20	3	45	74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	18	1.210	23	134	5	76	17		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX RC8-RCDM	
3	RCDM	2	160	2	20	6	70	5		
TOTAL		20	1.370	25	154	11	146	22		
WEIGHT KG			1.370		154		146			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

NGUYEN QUANG THINH

BUI HOANG DUONG

NGHIEM VIET ANH

